TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 17/4/2025
V/v tranh chấp *"Hợp đồng cầm cố tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 257/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng cầm cố tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 73/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S có ngay

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT- Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 1, khóm M, phường M, thành phố L, Tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Cao Phương D – Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay. *(Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Ông La Ngọc T, sinh năm 1979 *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14 tháng 4 năm 2025 của bà Cao Phương D là người đại ủy quyền, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay trình bày:

Ngày 15/12/2023 ông La Ngọc T có cầm cố tài sản là 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Wave- Alpha, biển số xe 6701-95389, số khung: RLHJA3930PY1194119, số máy: JA70E0174567, Giấy chứng nhận đăng ký số: 67 001200 do Công an xã V cấp ngày 06/12/2023 cho Chi Nhánh C – Công ty S1 *(nay là Công ty Cổ phần S)* theo hợp đồng cầm cố CPM231201004NA23X và giấy mượn xe ký ngày 15/12/2023, số tiền cầm cố 10.750.000 đồng, mục đích cầm cố là phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, thời hạn cầm cố 12 tháng, lãi suất là 1,1% số tiền cầm cố/tháng, lãi suất quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định 0.5% số tiền cầm cố/tháng, phí mượn xe 3% số tiền cầm cố/tháng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 7% nợ gốc chưa thanh toán. Và theo Giấy mượn xe ký ngày 15/12/2023 thỏa thuận thời gian ông T mượn lại xe để phục vụ nhu cầu đi lại và công việc là 01 tháng từ ngày từ ngày 15/12/2023 đến ngày 15/01/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông La Ngọc T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty: ông T chỉ mới thanh toán cho Công ty số tiền 2.526.000 đồng (Trong đó tiền gốc 1.657.615 đồng, lãi 227.483 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 103.401 đồng, phí mượn xe 537.500 đồng). Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở để ông T trả nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện.

Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu ông La Ngọc T phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 24/06/2024 là 14.915.074 *(Mười bốn triệu chín trăm mười lăm nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng*), trong đó tiền gốc là 9.092.385 đồng, tiền lãi trong hạn 563.496 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 256.135 đồng, tiền lãi quá hạn 498.000 đồng, phí mượn xe 2.150.000 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 727.391 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 636.467 đồng, chi phí tố tụng 991.202 đồng) yêu cầu tiếp tục tính lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ 24/06/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông La Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên cho Công ty Cổ phần S có ngay được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông La Ngọc T có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty Cổ phần S có ngay. Ngoài ra ông La Ngọc T phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn - Ông La Ngọc T: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng ông T vắng mặt nhiều lần nên không hòa giải được.

Tại phiên toà:

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Vắng mặt và có Đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời có Đơn xin rút lại 1 phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông T trả phí quản lý hồ sơ cố định 256.135 đồng, phí mượn xe 2.150.000 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 727.391 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn: 636.467 đồng, chi phí tố tụng 991.202 đồng.

- Bị đơn: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả phí quản lý hồ sơ cố định 256.135 đồng, phí mượn xe 2.150.000 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 727.391 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn: 636.467 đồng, chi phí tố tụng 991.202 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông T trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 17/4/2025 là 11.791.228 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu ông T thanh toán nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết. Ông T có nơi cư trú tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là Hợp đồng cầm cố tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Cao Phương D vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên bà đã có Đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định nên được chấp nhận; Bị đơn là ông La Ngọc T vắng mặt, xét thấy bị đơn đã được Tòa án niêm yết hợp lệ công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông T đã vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

1.3 Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Theo Đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 16/4/2025, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu đối với bị đơn về trả phí quản lý hồ sơ cố định 256.135 đồng, phí mượn xe 2.150.000 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 727.391 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn: 636.467 đồng, chi phí tố tụng 991.202 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận. Tòa án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng ông vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về hợp đồng cầm cố tài sản: Hợp đồng cầm cố số CPM231201004NA23X ngày 15/12/2023 được ký kết giữa Công ty S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và ông La Ngọc T được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Theo đó, ông T cầm cố cho Công ty A (một) xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, biển số xe 6701-95389, số khung: RLHJA3930PY1194119, số máy: JA70E0174567, Giấy chứng nhận đăng ký số: 67 001200 do Công an xã V cấp ngày 06/12/2023 để nhận số tiền 10.750.000 đồng nhưng không trả đầy đủ vốn gốc và lãi khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận nên Công ty yêu cầu ông T trả vốn gốc, lãi đã được thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 309, 311, 314 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, buộc ông La Ngọc T có trách nhiệm trả cho Công ty S Có Ngay số tiền tính đến ngày 17/4/2025 là 11.791.228 đồng (Trong đó vốn gốc 9.092.385 đồng, lãi trong hạn 563.496 đồng, lãi quá hạn 2.135.347 đồng)

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đến khi bị đơn thanh toán xong nợ: Căn cứ quy định của pháp luật tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét thấy "Hợp đồng cầm cố tài sản" giữa các bên là giữa cá nhân, pháp nhân không phải là tổ chức tín dụng với nhau (không phải là hợp đồng tín dụng) nên chỉ được áp dụng quy định về lãi, lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà không được áp dụng quy định về lãi, lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về xử lý tài sản bảo đảm: Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, biển số xe 6701-95389 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ theo số đăng ký giao dịch số 1535004822 nên Công ty S Có Ngay yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn ông La Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 309, Điều 311, Điều 314 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu ông La Ngọc T có trách nhiệm trả phí quản lý hồ sơ cố định 256.135 đồng, phí mượn xe 2.150.000 đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 727.391 đồng, phí tất toán hợp đồng trước hạn: 636.467 đồng, chi phí tố tụng 991.202 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay: Buộc ông La Ngọc T có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 17/4/2025 là 11.791.228 (Mười một triệu, bảy trăm chín mươi mốt ngàn, hai trăm hai mươi tám đồng). Trong đó vốn gốc 9.092.385 đồng, lãi trong hạn 563.496 đồng, lãi quá hạn 2.135.347 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Trường hợp ông La Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, biển số xe 6701-95389, số khung: RLHJA3930PY1194119, số máy: JA70E0174567, Giấy chứng nhận đăng ký số: 67001200 do Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông La Ngọc T ngày 06/12/2023 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại số tiền 373.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007867 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Buộc ông La Ngọc T phải chịu 590.000 đồng *(Năm trăm chín mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Chi cục THA Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Trinh